TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Lâm Giang
2. Ông: Trần Anh Dũng
- Thư ký phiên toà: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024;Quyết định hoãn phiên tòa số 66/QĐST-DS, ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ. Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Đức T vào ngày 03/9/2019 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T bài bạc, mải chơi không tu trí làm ăn nên vợ chồng sảy ra mâu thuẫn bất đồng cãi nhau. Đã được gia đình hòa giải nhưng đến nay không cải thiện được vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức T1, sinh ngày

25/11/2019, Hiện con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay ly hôn chị chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung; Cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị ở xa không đi lại được chị xin được vắng mặt.

Tại bản tự khai của anh Trần Đức T trình bầy: về quan hệ hôn nhân như chị Hà Thị H trình bầy là đúng. Anh và chị H kết hôn năm 2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần tiền nong, vợ chồng sảy ra bất đồng cãi nhau. Vợ chồng anh đã ly thân không ai quan tâm tới ai từ tháng 01/2024 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn còn, chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 25/12/2005, con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. nay ly hôn anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh T nhất trí tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, bi đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị H. Xử cho chị Hà Thi H1 được ly hôn anh Trần Đức T.

Về con chung: Giao cho anh Trần Đức T được trực tiếp nuôi con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 25/12/2019; Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị H1, anh T, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về án phí: chị H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng măt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm iết bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hà Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Trần Đức T, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con". Bị đơn anh T có nơi cư trú xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết chị H có đơn xin xử vắng mặt. Anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hà Thị H, anh Trần Đức T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H kết hôn cùng với anh Trần Đức T vào ngày 03/9/2019 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị H do anh T chơi bời cờ bạc, không quan tâm tới gia đình, vợ con, vì vậy vợ chồng sảy ra mâu thuẫn, bất đồng, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2024 cho đến nay. Nay chị H xin ly anh T không nhất trí. Xét thấy mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng chị H cho rằng tình cảm đến nay không còn. Chị không thể chung sống với anh T được nên HĐXX xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của chị H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Trần Đức T.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 25/12/2019 hiện nay đang ở với anh T. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi ly thân đến nay anh T là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay cháu đang ở ổn định với anh T đã quen, nên không cần thiết xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy giao con chung là Trần Đức T1 cho anh T nuôi là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cấp xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị H. Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Trần Đức T

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đức T trực tiếp nuôi con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 25/12/2019, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, chị H, anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về tiền án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0006795 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh